



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG

ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng kỹ thuật 6)
Laboratory:	Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2
Organization:	Quality Assurance and Testing Center 2
Số hiệu/ Code:	VILAS 024
Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Cơ
Field:	Mechanical
Người quản lý/ Laboratory manager:	Võ Khánh Hà
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	từ ngày / /2026 đến ngày 26/03/2031
Địa chỉ/ Address:	02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng No. 02 Ngo Quyen, Son Tra ward, Da Nang city
Địa điểm/ Location:	02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng No. 02 Ngo Quyen, Son Tra ward, Da Nang city
Điện thoại/ Tel:	0236.3831824
E-mail:	k6@quatest2.gov.vn
Website:	www.quatest2.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)***VILAS 024****Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng kỹ thuật 6)***Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory*Lĩnh vực: **Cơ**Field: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Tủ an toàn sinh học cấp I, II (x) <i>Class I, II Biological Safety Cabinet</i>	Thử nghiệm độ rò rỉ màng lọc HEPA/ ULPA <i>HEPA/ ULPA filter leak test</i>	Độ rò rỉ/ <i>Penetration</i> (0 ~ 100) % Cỡ hạt/ <i>Particle size</i> (0,3 ~ 10) µm	ISO 14644-3:2019 BS EN 1822-4:2009
2.		Thử nghiệm độ ồn <i>Noise level test</i>	0,1 dB/ (25 ~ 138) dB	NSF/ ANSI 49-2024
3.		Thử nghiệm độ rọi <i>Lighting intensity test</i>	1 lux/ (1 ~ 2000) lux	
4.		Thử nghiệm hình thái dòng khí <i>Airflow smoke patterns test</i>	-	
5.		Thử nghiệm vận tốc dòng khí <i>Air velocity test</i>	(0,2 ~ 5,0) m/s	
6.	Phòng sạch (x) <i>Cleanroom</i>	Phân loại độ sạch không khí theo mật độ hạt <i>Classification of air cleanliness by particle concentration</i>	Cỡ hạt/ <i>Particle size</i> (0,3 ~ 10) µm	ISO 14644-1:2015
7.		Thử nghiệm độ rò rỉ màng lọc HEPA/ ULPA <i>HEPA/ ULPA filter leak test</i>	Độ rò rỉ/ <i>Penetration</i> (0 ~ 100) % Cỡ hạt/ <i>Particle size</i> (0,3 ~ 10) µm	ISO 14644-3:2019 BS EN 1822-4:2009
8.		Thử nghiệm chênh áp <i>Air pressure difference test</i>	0,001 Pa/ (0,01 ~ 3735) Pa	ISO 14644-3:2019
9.		Thử nghiệm nhiệt độ, độ ẩm <i>Temperature, humidity test</i>	0,1 °C/ (10 ~ 50) °C 0,1 %RH/ (10 ~ 95) %RH	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)

VILAS 024

Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng kỹ thuật 6)

Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory

Ghi chú/ Notes:

- ISO: *International Organization for Standardization*
- NSF/ANSI: *National Sanitation Foundation/American National Standards Institute*
- BS EN: *British Standards European Norms*

(x): Phép thử nghiệm thực hiện tại hiện trường/ *On-site test*

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Quality Assurance and Testing Center 2 that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

